

NHÌN LẠI CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH KINH TẾ VĨ MÔ Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN SỤY GIẢM KINH TẾ

ThS. BÙI THỊ THÙY NHI
Học viện Hành chính

Việt Nam là một trong số ít nước thoát ra khỏi suy thoái nhanh và có tốc độ tăng trưởng kinh tế dương trên thế giới thời gian qua. Cho dù còn nhiều bất cập nhưng khó có thể phủ nhận, một phần trong thành công đó là nhờ công tác điều hành kinh tế linh hoạt của Chính phủ Việt Nam. Bài viết này bàn về một số kết quả đạt được trong công tác điều hành kinh tế thoát khỏi suy giảm; cũng như đề xuất một số kiến nghị nhằm thay đổi nhận thức và cách thức quản lý hậu suy thoái.

NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT TRONG ĐIỀU HÀNH KINH TẾ VĨ MÔ GIAI ĐOẠN 2008 - NAY

Hai năm qua là khoảng thời gian mà nền kinh tế nước ta đã trải qua đủ cung bậc thăng trầm khác nhau: lúc lo ngại lạm phát cao, nền kinh tế tăng trưởng quá nóng; lúc phải lo đối phó với suy giảm kinh tế, giảm phát kéo dài. Cũng chưa bao giờ chúng ta được chứng kiến công tác điều hành kinh tế của Chính phủ lại vất vả, khó khăn và vô cùng sôi động đến thế. Chính phủ đã phải vận dụng tất cả các công cụ như thuế, lãi suất, tỷ giá, chi tiêu ngân sách...; bằng tất cả các cách thức từ hành chính, mệnh lệnh đến tuyên truyền, thuyết phục và kích thích kinh tế nhằm thiết lập trật tự và tái ổn định cho nền kinh tế.

Điều hành lãi suất

Một trong những điểm nổi bật của điều hành kinh tế thời gian qua là công cụ lãi suất được sử dụng một cách hữu hiệu nhằm hạn chế những bất ổn của nền kinh tế. Từ

tháng 1/2008 đến tháng 4/2010, Ngân hàng nhà nước đã 11 lần điều chỉnh lãi suất cơ bản cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

Đầu năm 2008, trong bối cảnh tăng trưởng quá nóng, lạm phát tăng lên rất cao với mức kỷ lục đạt được vào tháng 5 năm 2008 là 60%/năm, theo đó nhu cầu tín dụng ở mức rất cao. Đối phó với diễn biến này, NHNN đã tăng lãi suất cơ bản từ 8,25% lên 8,75% và tiếp đó nâng lên mức 12% vào tháng 5-2008. Tuy vậy, tình hình lạm phát vẫn không có chiều hướng thuyên giảm, vì thế tháng 7/2008, NHNN quyết định tăng lãi suất cơ bản lên mức cao nhất trong vòng 10 năm 14% và duy trì cho đến cuối tháng 10. Kết quả là tình trạng lạm phát đã nằm trong tầm kiểm soát.

Đến những tháng cuối năm 2008, nền kinh tế thế giới bước vào giai đoạn khủng hoảng tồi tệ, nền

kinh tế Việt Nam bắt đầu rơi vào thời kỳ giảm phát đáng lo ngại, tăng trưởng GDP ở mức thấp. Đứng trước tình huống trái ngược so với đầu năm, từ quý IV/2008, Chính phủ chuyển sang thực hiện chính sách tiền tệ nới lỏng nhằm thúc đẩy sản xuất và kích thích tiêu dùng, theo đó lãi suất cơ bản dần dần được hạ xuống còn 13%; 12%, 11%; 10% và đến cuối tháng 12/2008, dừng lại ở mức 8,5% - ngang bằng với mức lãi suất cơ bản của đầu năm.

Từ thời điểm đó đến nay, NHNN luôn luôn kiên định chính sách tiền tệ nới lỏng để kích thích tăng trưởng. Trong suốt 11 tháng đầu năm 2009, lãi suất cơ bản được duy trì ở mức 7%/năm, và chỉ nhích lên 8% khi nền kinh tế bắt đầu có dấu hiệu phục hồi trở lại từ tháng 12/2009. Lãi suất được duy trì ở mức hợp lý đã giúp cho các doanh nghiệp có thể dễ dàng vay vốn đầu tư mở rộng sản xuất,



Kích cầu thông qua gói hỗ trợ lãi suất 4% đã đạt được hiệu quả

giảm giá thành sản phẩm hàng hóa, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo công ăn việc làm trong điều kiện nền kinh tế suy thoái.

Kích cầu thông qua hỗ trợ lãi suất

Cũng giống như nhiều nước khác trên thế giới, với nỗ lực vực dậy nền kinh tế đang trên đà suy giảm do chịu ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, Chính phủ Việt Nam đã sử dụng gói kích thích kinh tế trong đó trọng tâm là 3 chương trình hỗ trợ lãi suất vay vốn thông qua hệ thống ngân hàng. Đây được xem là một giải pháp chưa có tiền lệ trên thế giới. Cho dù còn khá nhiều ý kiến trái chiều xung quanh hiệu quả của gói kích cầu này, song có một thực tế rằng gói hỗ trợ lãi suất là giải pháp kinh tế được lựa chọn phù hợp với điều kiện của Việt Nam và đã đạt được hiệu quả với chi phí thấp.

Tháng 2/2009, Chính phủ triển khai gói kích cầu ngắn hạn 1 tỷ USD bằng việc giảm 4% lãi suất vay ngân hàng cho các doanh nghiệp nhằm kích thích sản xuất. Ngày 4/4/2009, Chính phủ đã mở rộng gói hỗ trợ lãi suất 4% cho các khoản vay vốn trung và dài hạn đến hết 31/12/2011 để thực hiện đầu tư mới phát triển sản xuất kinh doanh, kết cấu hạ tầng.

Ngày 17/4/2009, Chính phủ tiếp tục ban hành Quyết định số 497/QĐ-TTg về việc hỗ trợ lãi suất vốn vay mua máy móc, thiết bị, vật tư sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở nông thôn với mức lãi suất được hỗ trợ tối đa lên đến 100%.

Cho đến nay, gói hỗ trợ lãi suất ngắn hạn đã kết thúc với kết quả gần 400.000 tỷ đồng vốn vay lãi suất thấp (từ 4%-6,5%). Các doanh nghiệp được khơi thông nguồn vốn, có điều kiện giảm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm, kích thích tiêu dùng. Cụ thể, theo kết quả giám sát của Ủy ban giám sát Tài chính Quốc gia thì sau khi được hỗ trợ lãi suất, có tới trên 57% số doanh

ng nghiệp giảm được giá thành sản phẩm ở mức dưới 5% và 9,5% số doanh nghiệp giảm được giá thành từ 5% đến 10%; và 3,2% số doanh nghiệp giảm được giá thành trên 10%. Gói kích cầu đã hướng vào khu vực nông nghiệp, nông thôn - nơi bị ảnh hưởng nặng nề nhất từ suy giảm kinh tế; từ đó tăng sức mua cho toàn xã hội, hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước vượt qua khó khăn; đồng thời củng cố hệ thống ngân hàng tránh đổ vỡ trên thị trường tài chính.

Điều hành tỷ giá hối đoái

Một điểm nhấn quan trọng của Chính phủ trong công tác điều hành kinh tế thời gian qua là công cụ tỷ giá. Cùng thời điểm năm 2008, với mức lạm phát tăng kỷ lục trong vòng 10 năm trở lại, những lo ngại về nguy cơ phá giá tiền đồng khiến tỷ giá tăng chóng mặt, có lúc lên tới 19.500 VND đổi 1 đô-la Mỹ. Trước tình hình đó, NHNN đã nói biên độ dao động từ +/-1% lên +/-2% (từ ngày 26/06/08) đồng thời triển khai hàng loạt các biện pháp như kiểm soát chặt các đại lý thu đổi ngoại tệ, tăng cường truyền thông công bố dự trữ ngoại hối của Việt Nam nhằm làm an lòng dân (điều chưa hề có tiền lệ tại Việt Nam)... Nhờ đó, tỷ giá đã dần dịu lại và duy trì ở mức xấp xỉ 16.500 cho đến hết quý III/2008.

Từ quý IV/2008 đến đầu năm 2009, suy thoái kinh tế đã tác động mạnh đến nguồn cung ngoại tệ của Việt Nam; cộng thêm tâm lý găm giữ ngoại tệ của các thành phần kinh tế đã dẫn đến tình trạng khan hiếm ngoại tệ, tỷ giá ngoại tệ luôn nóng, phổ biến ở mức 18.000 đồng VND ăn 1 USD. NHNN đã thêm hai lần điều chỉnh biên độ dao động tỷ giá (+/-3% từ 06/11/08 và +/-5% từ 23/03/09). Biện pháp này đã giữ cho thị trường ngoại hối tương đối ổn định trong suốt quý III và quý IV/2009.

Vào những tháng cuối năm 2009, tỷ giá lại có xu hướng tăng mạnh trở

lại. Nguyên nhân chính là do ảnh hưởng của thông tin về mức thâm hụt cán cân thương mại ngày càng tăng và dự trữ ngoại hối suy giảm, đặc biệt là dưới tác động của cơn sốt giá vàng. Trong bối cảnh đó, NHNN phải phá giá nhẹ tỷ giá 5,44% từ mức khoảng 17.034 VND lên đến 17.961 VND/USD kết hợp với thu hẹp biên độ tỷ giá giao dịch từ mức +/-5% xuống mức +/-3%. Ngoài ra, NHNN cũng cam kết hỗ trợ bán ngoại tệ cho các tổ chức tín dụng có trạng thái ngoại tệ từ âm 5% trở xuống; ra chỉ thị buộc các tập đoàn và các tổng công ty nhà nước phải kết hối khoảng 2 tỷ USD qua hệ thống. Tất cả những động thái này phần nào đã làm giảm bớt sự căng thẳng về USD trên thị trường ngoại tệ và hạ nhiệt tỷ giá ngoài thị trường tự do.

Tháng 2/2010, NHNN lại quyết định điều chỉnh tỷ giá bình quân liên ngân hàng tăng 3,36% từ 17.961 lên 18.544 VND/1USD; đồng thời, điều chỉnh giảm mạnh dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ từ 7% xuống 4% nhằm hỗ trợ cho hoạt động xuất khẩu, hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GDP 6,5%.

Điều hành thuế

Bộ Tài chính cũng đã ban hành nhiều thông tư hướng dẫn về việc miễn thuế, giảm thuế và giãn thuế trên diện rộng, góp phần tích cực vào ngăn chặn suy giảm kinh tế ở nước ta. Cụ thể là, giảm 50% thuế VAT đối với 19 nhóm mặt hàng và hoãn thu thuế cá nhân trong 5 tháng đầu năm 2009; giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp trong quý IV/2008 và cả năm 2009, đồng thời giãn thuế trong thời gian 9 tháng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Kết quả của chính sách này là tổng số thuế được miễn, giảm trong cả năm 2009 lên đến 10.700 tỉ đồng, trong đó: giảm, giãn khoảng 4.600 tỉ đồng tiền thuế thu nhập doanh nghiệp; giảm khoảng 1.200 tỉ đồng thuế giá trị gia tăng; giãn trên 4.600 tỉ đồng tiền thuế thu nhập doanh nghiệp, giảm khoảng 300 tỉ đồng lệ phí trước bạ.

Quyết định miễn, giảm và giãn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân đã thể hiện sự quan tâm, chia sẻ Nhà nước đến những khó khăn trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống người lao động. Việc cắt giảm thuế còn tạo điều kiện để doanh nghiệp đổi mới, đầu tư thêm máy móc thiết bị, nâng cao khả năng cạnh tranh, và giữ được những khách hàng lớn. Đây cũng là đòn bẩy kích thích tiêu dùng, tạo thị trường tiêu thụ trong nước cho các doanh nghiệp khi thị trường nước ngoài gặp khó khăn.

MỘT SỐ GỢI Ý VỀ CHÍNH SÁCH VĨ MÔ

Điều hành khéo léo và linh hoạt để đưa nền kinh tế vượt qua suy giảm đã khó khăn, song điều hành nền kinh tế như thế nào để duy trì sự tăng trưởng bền vững sau suy giảm mới thực sự là một thử thách cam go bởi những nguy cơ và hệ lụy của nó vẫn còn tồn tại và đe dọa thành quả đã đạt được. Tác giả xin mạnh dạn đưa ra một số gợi ý trong công tác điều hành kinh tế của Chính phủ để đạt được mục tiêu đã nêu trên.

Một là, thay đổi quan niệm về chức năng và nội dung quản lý kinh tế của nhà nước sau khủng hoảng

Mọi sự thay đổi trong công tác điều hành kinh tế đều phải bắt đầu trước hết từ sự thay đổi nhận thức. Bối cảnh, môi trường kinh tế là đối tượng của quản lý đã thay đổi sâu sắc khiến cho chức năng quản lý cũng cần phải được nhìn nhận lại một cách phù hợp hơn. Theo người viết, trong thời gian tới, nội dung về quản lý kinh tế trong tình hình mới cần được chuyển đổi theo hướng sau:

Về quy mô can thiệp của nhà nước: không phải cần nhiều hơn mà là phải hiệu quả hơn và phù hợp hơn với năng lực vốn có của nhà nước.

Về phương hướng can thiệp của nhà nước: không phải là nói lỏng điều tiết mà trái lại, cần giám sát chặt chẽ hơn, đồng thời tăng cường sự

giám sát quản lý của các tổ chức ngoài khu vực nhà nước và sự tham gia của người dân.

Về công cụ can thiệp của Nhà nước: không phải tăng cường các biện pháp hành chính mang tính cưỡng chế để nhanh chóng ổn định vĩ mô mà phải sử dụng các công cụ gián tiếp mang tính đòn bẩy kinh tế linh hoạt và mạnh mẽ hơn.

Hai là, xác định lại mô hình tăng trưởng của kinh tế Việt Nam

Tất cả các chuyên gia kinh tế cả trong và ngoài nước thừa nhận một chân lý rằng, cải cách sẽ chính là cốt lõi của hậu khủng hoảng. Khủng hoảng và suy thoái là cơ hội để các quốc gia tiến hành cải cách, thay đổi mô hình phát triển, khắc phục những điểm yếu nội tại trong nền kinh tế. Mô hình tăng trưởng của Việt Nam trong tương lai nhất thiết phải khắc phục những nhược điểm dưới đây:

Tăng trưởng dựa chủ yếu vào việc thúc đẩy đầu tư trong nhiều năm qua mặc dù có thể đem lại tăng trưởng tương đối cao trong ngắn hạn, nhưng đồng thời cũng có thể đẩy nền kinh tế ra khỏi quỹ đạo tăng trưởng dài hạn và bền vững.

Tăng trưởng phụ thuộc quá nhiều vào bên ngoài như xuất nhập khẩu, đầu tư nước ngoài... mặc dù có thể thích hợp trong điều kiện bình thường nhưng lại khiến nền kinh tế trở nên rất dễ bị tổn thương khi kinh tế thế giới khủng hoảng.

Tăng trưởng không chú trọng đúng mức tới hiệu quả của việc sử dụng năng lượng và sự bền vững trong khai thác tài nguyên thiên nhiên tuy vẫn có thể tiếp tục thành công trong một thời gian nhưng trong dài hạn chắc chắn sẽ phải trả giá rất đắt.

Ba là, cải cách trong các hoạt động đầu tư công

Thời gian qua, đầu tư công là một trong những nội dung quan trọng của chính sách kích thích kinh tế, tuy nhiên hiệu quả cũng như tác động vĩ

mô tổng thể của các dự án đầu tư công chưa được chú trọng đúng mức. Thực tế này đã được thể hiện rất rõ qua các báo cáo hàng năm của Kiểm toán Nhà nước với số tiền thất thoát, lãng phí lên tới hàng chục ngàn tỷ đồng. Vì thế, Chính phủ cần kiên quyết dừng lại những dự án đầu tư công kém hiệu quả, chậm tiến độ, kéo dài thời gian; những dự án thâm dụng vốn và phải nhập khẩu nhiều. Đầu tư của Nhà nước cần có chọn lọc, tập trung vào những dự án thực sự mang lại hiệu quả cao, mang lại nhiều việc làm cho người lao động, đặc biệt phải hướng vào khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa chứ không phải hướng vào các Tập đoàn và Tổng công ty Nhà nước như thời gian qua. Nếu không cải cách dứt điểm vấn đề này, nguy cơ rơi vào một cuộc khủng hoảng nợ quốc gia như Hy Lạp là điều không tránh khỏi trong tương lai gần. □

Tài liệu tham khảo:

TS. Nguyễn Đức Hưởng; *Khủng hoảng tài chính toàn cầu - thách thức với Việt Nam; Nhà xuất bản Thanh niên (2009).*

GS.TS Đặng Đình Đào; TS. Vũ Thị Minh Loan - *Đại học Kinh tế quốc dân; Kinh tế Việt Nam ba năm gia nhập tổ chức thương mại thế giới 2007-2009; Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân (2010).*

TS. Vũ Quang Việt (*Cục thống kê Liên Hợp Quốc*); *Khủng hoảng kinh tế Việt Nam: sự sai lầm về chính sách và vai trò của tập đoàn kinh tế quốc doanh; Southeast Asian Affairs 2009, tr. 389-417*

Ngân hàng thế giới WB; Điểm lại báo cáo cập nhật tình hình phát triển kinh tế Việt Nam; Hội nghị giữa kỳ nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam; 6/2009.

World Bank, East Asia and Pacific Update, "Emerging stronger from the Crisis", 2010.

Economist Intelligence Unit (UK); Country Report: Vietnam; February 2010.